

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 296/2025/DS-PT

Ngày: 12/6/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và tặng cho tài
sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Văn Bình

2/ Bà Phan Thị Hồng Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thành Them – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tặng cho tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1940. (Có mặt)

Địa chỉ: G, đường E, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Phạm Hồng D** – Công ty TNHH D1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt)

* **Bị đơn:** Bà **Huỳnh Thị Thúy L**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: 5/25, khu dân cư S, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Bùi Ngọc T** – Văn phòng Luật sư Bùi Ngọc T thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

*** Người làm chứng:**

1. Ông **Huỳnh Xuân T1**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: G, đường E, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Huỳnh Xuân S**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: 63B/1DC khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Huỳnh Xuân H1**, sinh năm 1977 (Có mặt)

4. Ông **Huỳnh Xuân P**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A, khu V, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận cho con ruột là bị đơn Huỳnh Thị Thúy L mượn tổng cộng là 3.000.000.000 đồng để mua nhà, đất tại số E khu dân cư S, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 25/6/2020 bà H chuyển khoản theo tài khoản mở tại Ngân hàng V vào tài khoản của bà L số 5917040117122 cho bà L mượn số tiền là 2.800.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản để trống; Lần 2: Ngày 27/7/2020 nguyên đơn bà H đã rút tiền mặt từ Ngân hàng V để cho bà L mượn số tiền 200.000.000 đồng, do là mẹ con ruột nên không có làm biên nhận, nhưng có các người con khác biết;

Theo thỏa thuận thì bà H cho bà L mượn tiền mua nhà, đất, sau đó bà L vay ngân hàng trả lại; nhưng sau khi mua nhà đất xong thì bà L không vay ngân hàng để trả tiền lại cho bà H. Ngoài ra trước đó bà H có thỏa thuận tặng cho bà L số tiền 500.000.000 đồng với điều kiện bà L phải chăm sóc, nuôi dưỡng bà H đến cuối đời, tuy nhiên bà L chỉ thực hiện khoản 01 năm thì không nuôi bà H nữa, việc thỏa thuận điều kiện này có các người con khác biết.

Nay bà H yêu cầu bà L phải trả lại tiền mượn là 3.000.000.000 đồng và tiền tặng cho có điều kiện là 500.000.000 đồng.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy L có đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H thì bị đơn bà L hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này, cụ thể: Qua trình bày của các người ở cùng xóm là Trần Thị Kiều P1 và Trần Ngọc T2 thì trước đây bà H ở chung với bà L từ năm 2019 đến tháng 02/2024 thì không thấy bà H ở chung nữa; Số tiền

500.000.000 đồng là bà H tặng cho bà L, nhưng việc tặng cho này không có điều kiện; Đối với số tiền 2.800.000.000 đồng là do lúc còn ở chung bà H cũng cho bà L không có điều kiện gì; Đối với số tiền 200.000.000 đồng thì bà L không có nhận tiền của bà H. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà L không đồng ý, do số tiền 2.800.000.000 đồng và 500.000.000 đồng là đã tặng cho xong, còn 200.000.000 đồng không có nhận từ bà H.

** Những người làm chứng Huỳnh Xuân T1, Huỳnh Xuân S, Huỳnh Xuân H1 và Huỳnh Xuân P thống nhất trình bày:* Bà H là mẹ ruột của các ông và của bà L, sau khi bà H trúng số giải đặc biệt lĩnh tiền được 7.200.000.000 đồng về thì bà L đã lấy hết 1.200.000.000 đồng cất vào két sắt của bà L, số tiền còn lại bà H đã tặng cho đều các con mỗi người 500.000.000 đồng, riêng từ trước đến nay do bà H đã cho bà L rất nhiều, nên đối với bà L có thỏa thuận điều kiện tặng cho là bà L phải nuôi dưỡng bà H đến cuối đời, còn đối với số tiền 3.000.000.000 đồng là bà L mượn của bà H, trước và trong khi mượn các anh em có biết do bà H nói với các anh, em và sau đó thì bà H đến Ngân hàng chuyển khoản 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của bà L, còn 200.000.000 đồng thì bà H giao tiền mặt; đây là số tiền bà H để lại dưỡng già nhưng vì bà L hỏi mượn và hứa hẹn sẽ trả ngay sau đó nên bà H đã cho bà L mượn, chứ không có việc tặng cho.

Tòa án không hòa giải được nên đưa ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2024 DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H;

- Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vốn **2.800.000.000 đồng**(Hai tỷ, tám trăm triệu đồng);

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà bị đơn chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy L phải trả **700.000.000 đồng** (Bảy trăm triệu đồng) vì chưa đủ cơ sở;.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí , chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm:

Ngày 19/09/2024: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 20/9/2024: Bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

* Nguyên đơn trình bày: Nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 700.000.000 đồng và rút kháng cáo.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Đề nghị chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H đối với số tiền 700.000.000 đồng và rút lại yêu cầu kháng cáo.

+ Đối với số tiền 2.800.000.000 đồng nguyên đơn cho bị đơn mượn đã chứng minh được qua chuyển khoản ngân hàng và bị đơn cũng thừa nhận có nhận số tiền này, bị đơn cho rằng được tặng cho nhưng không có chứng cứ chứng minh tặng cho. Tại cấp phúc thẩm bị đơn cung cấp các đoạn file ghi âm cũng không chứng minh được việc bà H cho tiền bà L. Nên xem như không có chứng cứ mới vì vậy đề nghị giữ y án sơ thẩm.

* Bị đơn yêu cầu đề nghị xem xét bản án sơ thẩm: Bà có nguyện vọng mẹ quay lại chung sống với bà để bà tiếp tục chăm lo cho bà H và đối với số tiền 2.800.000.000 đồng bà H đã cho bà nên bà không đồng ý trả lại.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Phiên tòa này Hội đồng xét xử cũng đã dành thời gian hàn gắn quan hệ gia đình nhưng không đi đến thống nhất. Về số tiền 2.800.000.000 đồng là bà H cũng tặng cho bà L, do bà H ở chung với bà L, được bà L chăm sóc. Tuy nhiên sau này tự bà H bỏ đi, chứ không phải bà L không nuôi mẹ nhưng vẫn không đi đến thỏa thuận. Trong đoạn ghi âm do bị đơn cung cấp xác định ông T1 biết được việc bà H cho số tiền này cho bị đơn nhưng ông T1 không thừa nhận nội dung file ghi âm và bị đơn cũng không yêu cầu giám định giọng nói vì sẽ mất thời gian. Bị đơn vẫn giữ quan điểm xác định tiền này do bà H cho bị đơn nên không đồng ý trả. Vụ kiện này không phân định thắng thua mà là sự mất đoàn kết trong nội bộ gia đình. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

****Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:***

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

- *Đối với kháng cáo của bà H liên quan số tiền 700.000.000 đồng, nhận thấy:* Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu khởi kiện và rút kháng cáo, bà L đồng ý việc bà H rút yêu cầu khởi kiện. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

- *Đối với kháng cáo của bà L nhận thấy:* Theo bảng sao kê chi tiết giao dịch thể hiện, ngày 25/6/2020 bà H chuyển khoản cho bà L số tiền 2.800.000.000 đồng, không ghi nội dung giao dịch. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Bà H xác định cho bà L mượn số tiền 2.800.000.000 đồng nên yêu cầu giao trả, bà L xác định bà H tặng cho thì bà L phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H tặng cho số tiền 2.800.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà L cung cấp văn bản được ghi chép từ file ghi âm và cho rằng, ông T1 nói không ganh tỵ về việc bà H cho tiền bà L. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung văn bản không thể hiện việc ông T1 xác định bà H cho bà L số tiền 2.800.000.000 đồng. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, ông T1, ông H1, ông S, ông P trình bày là bà H cho bà L mượn số tiền 3.000.000.000 đồng để mua nhà đất, bà H chuyển khoản 2.800.000.000 đồng và đưa tiền mặt 200.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở để xác định, bà H cho bà L mượn số tiền 2.800.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Như vậy, theo quy định của pháp luật, ngoài việc trả cho bà H số tiền 2.800.000.000 đồng, bà L còn phải trả tiền lãi, do bà H không yêu cầu tính lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà L trả cho bà H số tiền 2.800.000.000 đồng, không tính lãi là có lợi cho bà L.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên Bản án số 245/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đối với số tiền 2.800.000.000 đồng, hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm liên quan đến số tiền 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản và tặng cho tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự như án sơ thẩm là phù hợp

[2]. *Về tố tụng:* Những người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo đã nộp tạm ứng trong hạn luật định nên được xem xét về mặt hình thức.

[3] *Về nội dung kháng cáo:* Về nội dung để xét kháng cáo cần thiết đánh giá với tổng thể các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác. Lần lượt xét các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn lồng ghép với các chứng cứ có trong hồ sơ làm rõ từng nội dung để xem xét đánh giá.

[4] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với kháng cáo của bà H liên quan số tiền 700.000.000 đồng, nhận thấy:* Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu khởi kiện và rút kháng cáo, bà L đồng ý việc bà H rút yêu cầu khởi kiện. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[5] *Xét kháng cáo của bị đơn đối với số tiền 2.800.000.000 đồng nguyên đơn bà H chuyển khoản cho bà L vào ngày 25/6/2020:*

[5.1] Bà L thừa nhận có nhận số tiền này nhưng cho rằng cũng được bà H tặng cho, còn bà H thì cho rằng số tiền này là chuyển cho bà L mượn để mua nhà, đất nên yêu cầu bà L trả;

[5.2] Cấp sơ thẩm nhận định áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*”; Xét thấy nguyên đơn bà H khởi kiện bị đơn bà L cho rằng bà L vay mượn số tiền 2.800.000.000 đồng của bà H, đã cung cấp được chứng cứ là bảng sao kê chuyển tiền qua tài khoản của bà L và bà L cũng thừa nhận có nhận số tiền này từ bà H,

nên nguyên đơn bà H đã có đủ chứng cứ chứng minh được cho yêu cầu khởi kiện của mình;

[5.3] Đối với bị đơn bà L cho rằng số tiền này được bà H tặng cho, nhưng bà H không thừa nhận là tặng cho, ngoài lời trình bày ra bà L không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh là được tặng cho, chỉ có cung cấp một số xác nhận của người hàng xóm cho rằng có thấy bà H có thời gian ở chung với bà L;

[5.4] Mặt khác cũng tương tự như phân tích nêu trên, số tiền mà bà H có được trong giai đoạn này là từ trúng thưởng xổ số kiến thiết có được, bà H tặng cho đều các con mỗi người là 500.000.000 đồng sau khi nhận tiền về, nếu bà H tặng cho bà L 2.800.000.000 đồng thì tại sao không đưa cùng lúc với số tiền 500.000.000 đồng khi tặng cho cùng với các anh, em của bà L mà phải chuyển khoản sau đó.

[5.5] Ngoài ra, không lý do gì bà L được tặng cho 500.000.000 đồng rồi lại được tặng cho tiếp 2.800.000.000 đồng này trong khi bà H trình bày đây là số tiền còn lại sau cùng để bà dưỡng già, điều trị bệnh tật.

[5.6] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà L cung cấp văn bản được ghi chép từ file ghi âm và cho rằng, ông T1 nói không gan tỵ về việc bà H cho tiền bà L. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung văn bản không thể hiện việc ông T1 xác định bà H cho bà L số tiền 2.800.000.000 đồng.

Do đó có đủ cơ sở xác định số tiền này là bà H cho bà L vay mượn và thuộc loại vay không kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi, nên nay nguyên đơn bà H đòi lại số tiền gốc 2.800.000.000 đồng này là có căn cứ chấp nhận, buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà H.

Từ những phân tích trên nên không chấp nhận kháng cáo của bà L. Tại giai đoạn phúc thẩm bà L cũng không cung cấp chứng cứ nào mới cho yêu cầu khởi kiện của mình nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[6] Xét lời trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần như phân tích nêu trên.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là chưa có căn cứ thuyết phục.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí. Miễn án phí cho nguyên đơn do nguyên đơn là người cao tuổi.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L, giữ nguyên Bản án số 245/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm.

1. Hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm liên quan đến số tiền nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy L phải trả 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) do rút yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H;

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vốn **2.800.000.000 đồng** (Hai tỷ, tám trăm triệu đồng);

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà bị đơn chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy L phải nộp **88.000.000 đồng** (T3 mươi tám triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Miễn án phí phần bị bác yêu cầu cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, do là người cao tuổi.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí do người cao tuổi. Bà Huỳnh Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002119 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 12/6/2025.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân Q. Ninh Kiều;
- Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trang